

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hà Nội

sg 03/6/26

- Căn cứ nghị định số: 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số: 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ nghị định: 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;
- Căn cứ thông tư số 06/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Thực hiện công văn số: 5794/SXD-GĐCL ngày 20/03/2026 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội về việc công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo nghị định 14/2026/NĐ-CP.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐỊA KỸ THUẬT

Công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm

- Tên tổ chức: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐỊA KỸ THUẬT**
- Mã số doanh nghiệp: 0100530339
- Giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ số A-624 do Bộ Khoa học Công Nghệ cấp lần thứ 7 ngày 08 tháng 9 năm 2023 (số đăng ký ban đầu 002 cấp ngày 15 tháng 03 năm 1993)
- Địa chỉ: Phòng 201 nhà C5, Đại học Bách Khoa Hà Nội, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 3868.3342
- Email: diakythuat.humg@gmail.com
- Website: <https://humg.edu.vn/gioi-thieu/co-cau-to-chuc/cac-cong-ty-trung-tam/Pages/tt-nghien-cuu-dia-ky-thuat.aspx>

2. Thông tin Phòng thí nghiệm

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật công trình và Môi trường
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Phòng 104, 105 và 205 nhà C5, Đại học Bách Khoa Hà Nội, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.
- Quản lý phòng thí nghiệm: PGS.TS Đỗ Minh Toàn

(Kế thừa năng lực thí nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật công trình và Môi trường – mã số: LAS-XD24.037)

3. Cam kết

Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật cam kết: Các thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan; Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Hà Nội;
- Lưu TT

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
ĐỊA KỸ THUẬT



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Thế Vinh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CÔNG BỐ
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo công bố số 02/CB-GTC ngày 02/06/2026 của Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật)

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT ĐÁ TRONG PHÒNG			Nguyễn Anh Đức Phạm Thị Nhung Phạm Kim Dung Nguyễn Thị Thiết Bùi Thị Bích Hội Phạm Vũ Hoài Nam
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012		
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012		
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012		
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014		
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995		
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012 ASTM D2435/D2435M-11		
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012		
8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012		
9	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng TN	TCVN 12792:2020 ASTM D1194-94	Bộ rây, cân kỹ thuật, tủ sấy, dao vòng, máy cắt, máy nén tam liên, máy nén ba trục,..	
10	Thí nghiệm nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D2166/D1266M-16		
11	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU, CU, CD)	TCVN 8868:2011 ASTM D2850-15		
12	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012		
13	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012		
14	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012		
15	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012		
16	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012 ASTM D2974		
17	Đá xây dựng, thí nghiệm xác định độ bền cắt	TCVN10323:2014		
18	Đá xây dựng, thí nghiệm xác định độ bền nén	TCVN10324:2014		

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
II	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			Nguyễn Công Hải Phạm Sơn Hùng Nguyễn Văn Thư Nhữ Đình Ngọc Lê Tuấn Anh Nguyễn Trọng Tiến Bùi Ngọc Minh Phạm Quang Thành Nguyễn Trọng Trịnh Trịnh Văn Như
19	Đo khối lượng thể tích (dung trọng), độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 12791:2020	Dao vòng, cân kỹ thuật,...	
20	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 TCVN 8728: 2012	Cân kỹ thuật, phễu rót cát, thìa xúc mẫu,...	
21	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước phẳng 3m-T.Tech	
22	PP thử nghiệm xác định modul đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861: 2011	Hệ thống chất tải, Kịch thủy lực, tấm nén, đồng hồ biến dạng	
23	Xác định modul đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	Hệ thống chất tải, Kịch thủy lực, tấm nén, đồng hồ biến dạng, Bộ cần Benkelman	
24	PP không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9334: 2012 TCVN 9335: 2012	Máy siêu âm bê tông, Súng bật nảy Matest	
25	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở đất - KYORITSU	
26	PP xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm nén, kịch thủy lực, dầm định vị dọc	
27	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT), xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9352:2012 TCVN 9846:2013	Bộ máy xuyên tĩnh – T.Tech	
28	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012 ASTM 1586	Bộ thí nghiệm SPT	
29	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951/ D6951M-18	Bộ chùy xuyên động	
30	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	TCVN 10184:2021 ASTM D2573/D2573M-18	Máy cắt cánh	
31	Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan (PMT)	ASTM D4719-20	Máy đo biến dạng ngang	

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
32	Cọc - PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Hệ thống chất tải, Kích thủy lực, tấm nén, đồng hồ biến dạng	
33	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm; Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9396: 2012; TCVN 9397: 2012 ASTM D5882-08	Máy siêu âm cọc khoan nhồi	
34	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321-2016 ASTM D4945-17	Máy PDA	
35	Thí nghiệm siêu âm thành vách hố khoan (koden test)	ASTM D8232-18	Máy Koden	
36	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011	Bộ CBR hiện trường – T.Tech model S220	
37	Khảo sát địa vật lý bằng phương pháp địa chấn khúc xạ	ASTM D5777-18	Máy thăm dò địa chấn	
38	Khảo sát địa vật lý bằng phương pháp địa chấn trong hố khoan	ASTM D7400-17		
III	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC			Nguyễn Anh Đức Phạm Thị Nhung Phạm Kim Dung Nguyễn Thị Thiết Bùi Thị Bích Hợp Phạm Vũ Hoài Nam
39	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1998	Máy chung cất nước, dụng cụ hấp phụ nước, thiết bị đo pH, máy đo quang HACH DR2000, máy đo nhanh vi sinh	
40	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1998		
41	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011		
42	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96		
43	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96		
44	Xác định hàm lượng natri và kali	TCVN 6196:2000		
45	Màu sắc, mùi vị	TCVN 6185:2015		
46	Xác định mẫu nước ăn mòn bê tông cốt thép	TCVN 12041:2017		
IV	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			Nguyễn Anh Đức Phạm Thị Nhung Phạm Kim Dung Nguyễn Thị Thiết Bùi Thị Bích Hợp Phạm Vũ Hoài Nam
47	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Bộ rây, cân kỹ thuật	

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
48	Xác định giới hạn bền nén và uốn	TCVN 6016:2011	Máy nén, uốn xi măng	
49	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015		
V	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			Nguyễn Anh Đức Phạm Thị Nhung Phạm Kim Dung Nguyễn Thị Thiết Bùi Thị Bích Hợp Phạm Vũ Hoài Nam
50	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Bộ rây, cân kỹ thuật, Máy đo môđun đàn hồi khi nén	
51	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:2022		
52	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:2022		
53	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022		
54	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022		
55	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022		
56	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022		
57	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022		
58	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022		
59	Xác định cường độ lăng trụ và modul đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022		
VI	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			Nguyễn Anh Đức Phạm Thị Nhung Phạm Kim Dung Nguyễn Thị Thiết Bùi Thị Bích Hợp Phạm Vũ Hoài Nam
60	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06	Bộ rây, cân kỹ thuật, tủ sấy, Máy thử độ bền nén, Máy thử độ mài mòn Los Angeles	
61	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06		
62	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06		
63	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06		
64	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06		
65	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06		
66	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06		

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
67	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06		
68	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06		
69	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06		
70	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06		
71	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06		
72	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012		
VII	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG			Nguyễn Anh Đức Phạm Thị Nhung Phạm Kim Dung Nguyễn Thị Thiết Bùi Thị Bích Hợp Phạm Vũ Hoài Nam
73	Thử kéo	TCVN 197-1:2014	Máy kéo nén vạn năng, cân kỹ thuật, thước thép,...	
74	Thử uốn	TCVN 198:2008		
75	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010		
76	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 8311:2010		

PHỤ LỤC II

DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN

1. Danh mục thiết bị thí nghiệm

STT	Tên thiết bị	Số seri/ ID thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN	80405/ WE-1000B	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
2	Máy nén, uốn xi măng- T.TECH	0326/ E155	Việt Nam	2009	Đến 09/2026
3	Máy xác định độ thấm bê tông	0833473/ HS-4	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
4	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	JJ-5 (ZT-96),	Trung Quốc	2009	
5	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	80837/ ZS-15	Trung Quốc	2009	
6	Máy trộn bê tông tự do – T.TECH	C161	Trung Quốc	2009	
7	Thiết bị đo hàm lượng bọt khí bê tông		Trung Quốc	2009	
8	Thiết bị đo modun đàn hồi khi nén – T.TECH	C130	Trung Quốc	2009	
9	Súng bắn bê tông - MATEST	1K1104	Italia	2009	
10	Máy siêu âm bê tông – MATEST	C369/ ZH/0025	Italia	2009	
11	Máy đo điện trở đất – KYORITSU	W8091728 4105A	Nhật Bản	2009	
12	Máy nén CBR 50KN	R0193	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
13	Máy thử độ mài mòn LA- T.TECH	A075	Italia	2009	
14	Máy khoan lấy mẫu bê tông	3675/ HZ-15B	Trung Quốc	2009	
15	Đồng hồ so kiểu cơ	11712	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
16	Đồng hồ so kiểu cơ	44838	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
17	Đồng hồ so kiểu cơ	44430	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
18	Đồng hồ so kiểu cơ	1544	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
19	Đồng hồ so kiểu cơ	13435	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
20	Đồng hồ so kiểu cơ	54336	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
21	Đồng hồ so kiểu cơ	11484	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
22	Đồng hồ so kiểu cơ	13301	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026

STT	Tên thiết bị	Số seri/ ID thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
23	Đồng hồ so kiểu cơ	11451	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
24	Đồng hồ so kiểu cơ	44790	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
25	Đồng hồ so kiểu cơ	15526	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
26	Đồng hồ so kiểu cơ	15465	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
27	Đồng hồ so kiểu cơ	54740	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
28	Đồng hồ so kiểu cơ	15538	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
29	Đồng hồ so kiểu cơ	54998	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
30	Đồng hồ so kiểu cơ	51470	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
31	Đồng hồ so kiểu cơ	15308	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
32	Đồng hồ so kiểu cơ	45341	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
33	Đồng hồ so kiểu cơ	229255	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
34	Đồng hồ so kiểu cơ	229596	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
35	Đồng hồ so kiểu cơ	224405	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
36	Đồng hồ so kiểu cơ	221408	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
37	Đồng hồ so kiểu cơ	221802	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
38	Đồng hồ so kiểu cơ	227903	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
39	Đồng hồ so kiểu cơ	229497	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
40	Đồng hồ so kiểu cơ	227561	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
41	Đồng hồ so kiểu cơ	223815	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
42	Đồng hồ so kiểu cơ	221846	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
43	Đồng hồ so kiểu cơ	223727	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
44	Đồng hồ so kiểu cơ	221857	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
45	Đồng hồ so kiểu cơ	227900	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026

STT	Tên thiết bị	Số seri/ ID thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
46	Đồng hồ so kiểu cơ	222093	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
47	Đồng hồ so kiểu cơ	224415	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
48	Cần Benkelman	002 B102	Việt Nam	2009	
49	Máy nén 3 trục	R0512	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
50	Máy nén đất tam liên WG	063/20092	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
51	Máy nén đất tam liên WG	0323/20088	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
52	Máy nén đất tam liên WG	0324/20088	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
53	Máy nén đất tam liên WG	0100/20084	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
54	Máy nén đất tam liên WG	062/20092	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
55	Máy nén đất tam liên WG	037	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
56	Máy nén đất tam liên WG	063	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
57	Máy nén đất tam liên WG	032	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
58	Máy nén đất tam liên WG	062	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
59	Máy nén đất tam liên WG	038	Trung Quốc	2022	Đến 09/2026
60	Máy đầm CBR tự động	JZ-2D	Trung Quốc	2009	
61	Máy cắt cánh	0FG039272 160SPL	Anh	2009	
62	Thiết bị xác định tổn thất khi nung.	B064	Trung Quốc	2009	
63	Máy lắc đương lượng của cát.	S160	Trung Quốc	2009	
64	Cân điện tử	144484 DJ600TW	Nhật Bản	2009	Đến 09/2026
65	Máy đo quang phổ	95070003577 9/DR2000	Đức	2019	
66	Máy cưa cắt mẫu bê tông	C350 /350-14	Anh	2009	
67	Máy cắt đất 2 tốc độ EDJ-1	E3951 EDJ-1	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
68	Máy cắt đất 2 tốc độ EDJ-1	E3976 EDJ-1	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
69	Máy chưng cất nước loại YAZD 5lít/h		Trung Quốc	2009	

STT	Tên thiết bị	Số seri/ ID thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
70	Bộ cối chày Proctor tiêu chuẩn – T.TECH, cối S185 + chày S187	cối S185 chày S187	Trung Quốc	2009	
71	Bộ cối chày Proctor cải tiến – T.TECH	cối S186 chày S188	Trung Quốc	2009	
72	Dao gọt mẫu		Việt Nam		
73	Kích đèn mẫu vụn nặng 4”-6”- T.TECH	S114	Trung Quốc	2009	
74	Hộp âm bằng nhôm - T.TECH.	V122-01	Trung Quốc	2009	
75	Bình hút âm - T.TECH.	A036	Trung Quốc	2009	
76	Bộ thìa+bay+chảo+khay trộn mẫu	V186-01 V192-06 V116-02 V182	Việt Nam	2009	
77	Bình xịt rửa mẫu	V120-02	Trung Quốc	2009	
78	Cung lực 50KN.	S370-10	Trung Quốc	2009	
79	Khuôn CBR - T.TECH.	S200	Trung Quốc	2009	
80	Đĩa phân cách - T.TECH.	S200-03	Trung Quốc	2009	
81	Dao cắt bằng thép - T.TECH.	S200-11	Trung Quốc	2009	
82	Bình tỷ trọng đất.	V108-02	Trung Quốc	2009	
83	Bộ cối - chày bằng sứ	V112-01	Trung Quốc	2009	
84	Chày – T.TECH, loại cao su	V113	Trung Quốc	2009	
85	Bếp điện		Trung Quốc	2009	
86	Bếp cách cát loại 1000W / 220V		Trung Quốc	2009	
87	Bộ thiết bị chày casagrande, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn, sản xuất tại Trung Quốc	S170,	Trung Quốc	2009	
88	Bộ thí nghiệm Vaxiliev - T.TECH		Trung Quốc	2009	
89	Tấm kính xác định giới hạn dẻo		Trung Quốc	2009	
90	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh gim-T.TECH	S234	Trung Quốc	2009	
91	Bộ dao vòng lấy mẫu – T.TECH, kèm 03 lưỡi dao	S084	Trung Quốc	2009	
92	Dao vòng 100cm ³ -T.TECH		Trung Quốc	2009	
93	Bộ thí nghiệm xuyên tĩnh T.TECH	S086	Trung Quốc	2009	

STT	Tên thiết bị	Số seri/ ID thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
94	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường – T.TECH	S220/ELE	Trung Quốc	2009	
95	Tủ sấy 1	37536 101-1A	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
96	Tủ sấy 2	39803 101-1A	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
97	Bộ thí nghiệm độ ẩm nhanh hiện trường bằng phương pháp cân sấy, Bao gồm: 1 bếp ga và 06 khay sấy vật liệu		Trung Quốc	2009	
98	Tỷ trọng kế - G7	S172	Trung Quốc	2009	
99	Máy lắc sàng	1400/8411	Trung Quốc	2009	
100	- Bộ sàng đất đk200mm bao gồm: 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25, 0,1; đáy+nắp		Trung Quốc	2009	
101	- Bộ sàng cát đk200mm bao gồm: 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm, đáy và nắp		Trung Quốc	2009	
102	- Bộ sàng đá đk200mm bao gồm: 75; 60; 50; 40; 30; 25; 20; 15; 10; 5; 3; đáy+nắp		Trung Quốc	2009	
103	- Bộ sàng đá cấp phối đk200mm gồm: 37,5; 25; 12,5; 4,75; 2,0; 0,425; 0,075; đáy+nắp		Trung Quốc	2009	
104	- Bộ sàng cốt liệu BTN đk200mm bao gồm: 37,5; 25; 20; 19; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,6; 0,3; 0,15; 0,075; đáy+nắp		Trung Quốc	2009	
105	Bộ lỗ sàng - T.TECH, kích thước 80mm, 90mm, 100mm, 110mm		Trung Quốc	2009	
106	Bộ ống đong V101, loại 500ml, loại 1000ml	V101-04 V101-05	Trung Quốc	2009	
107	Bộ bình tam giác V106, loại 50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1000ml	V106	Trung Quốc	2009	
108	Bộ bàn chải dùng cho sàng mịn và sàng thô	V178	Trung Quốc	2009	
109	Mũi khoan kim cương (mũi liền) đk 101.6mm		Hàn Quốc	2009	
110	Mũi khoan kim cương (mũi rời 3 đoạn) đk 101.6mm		Hàn Quốc	2009	

STT	Tên thiết bị	Số seri/ ID thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
111	Mũi khoan kim cương (mũi rời 3 đoạn) đk 150mm		Hàn Quốc	2009	
112	Kẹp lấy mẫu khoan D100	C346-02	Trung Quốc	2009	
113	Bộ gá uốn mẫu xi măng - T.TECH	E172-02	Trung Quốc	2009	
114	Bộ gá nén mẫu xi măng - 40x40 - T.TECH	E170	Trung Quốc	2009	
115	Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm - T.TECH	C090-09	Trung Quốc	2009	
116	Khuôn trụ - T.TECH, đk 150 x cao	C090-09	Trung Quốc	2009	
117	Đế capping D150mm - T.TECH	C290	Trung Quốc	2009	
118	Khuôn lập phương 150x150x150		Việt Nam	2009	
119	Khuôn bê tông thử uốn - T.TECH	C254-02	Trung Quốc	2009	
120	Khuôn bê tông 200x200x200		Việt Nam	2009	
121	Khuôn đúc mẫu bê tông hình côn cho máy thấm bê tông		Trung Quốc	2009	
122	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150x cao150 cho máy thấm - T.TECH		Trung Quốc	2009	
123	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ dùng cho máy thấm HS-4, theo tiêu chuẩn Việt nam - T.TECH		Trung Quốc	2009	
124	Khuôn 50x50x50 kép 3 - T.TECH	E110	Trung Quốc	2009	
125	Bàn rung mẫu bê tông - T.TECH	C279	Trung Quốc	2009	
126	Đầm dùi đường kính 2,5cm		Trung Quốc	2009	
127	Bàn dẫn vữa xi măng kèm khâu chuẩn và thước kẹp	E086	Trung Quốc	2009	
128	Bộ dụng cụ Vica VICA - T.TECH, bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	E055	Trung Quốc	2009	
129	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH, dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380, Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	E136	Trung Quốc	2009	

STT	Tên thiết bị	Số seri/ ID thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
130	Khuôn vữa xi măng 70,7 x 70,7 x 70,7 kép 3	E133-01	Trung Quốc	2009	
131	Khuôn uôn xi măng 40x40x160 kép 3	E100	Trung Quốc	2009	
132	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa - T.TECH	E039	Trung Quốc	2009	
133	Khuôn xi măng Le Chaterlier - T.TECH	E066	Trung Quốc	2009	
134	Bình tỷ trọng xi măng	E014	Trung Quốc	2009	
135	Côn thử độ sụt bê tông - T.TECH	C180	Trung Quốc	2009	
136	Sàng độ mịn xi măng 0.09mm		Trung Quốc	2009	
137	Tủ dưỡng hộ mẫu xi măng	SHBY-40B	Trung Quốc	2009	
138	Bộ ép chế mẫu bê tông hình trụ - T.TECH	C100	Trung Quốc	2009	
139	Nhớt kế Vebe - Ele - T.TECH		Trung Quốc	2009	
140	Lò nung 1000 độ C		Trung Quốc	2009	
141	Hộp thấm đất Nam Kinh	TST-55	Trung Quốc	2009	
142	Máy đo PH cầm tay	98107/HI	Trung Quốc	2009	
143	Thuốc xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH	A072	Trung Quốc	2009	
144	Dao cắt đất 30cm ² - T.TECH		Trung Quốc	2009	
145	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH	S148	Trung Quốc	2009	
146	Bộ xi lanh nén đập đá D75, D150 - T.TECH	A082, A083	Trung Quốc	2009	
147	Bộ xác định đương lượng cát - T.TECH	S159	Trung Quốc	2009	
148	Bình rửa đá - T.TECH		Trung Quốc	2009	
149	Bình rửa cát - T.TECH		Trung Quốc	2009	
150	Phễu xác định độ xộp của đá, của cát - T.TECH	C185 C185-01	Trung Quốc	2009	
151	Bộ trương nở đất		Trung Quốc	2009	
152	Nhiệt kế kim loại V160 loại 0-10 độ C, 0- 25 độ C, 0-35 độ C	V160	Trung Quốc	2009	
153	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	B111	Trung Quốc	2009	
154	Pipet loại 5ml; loại 10ml, loại 50ml	V142-01 V142-02 V142-04	Trung Quốc	2009	
155	Đồng hồ bấm giây	V170	Trung Quốc	2009	
156	Bộ kim sắt xác định độ phong hóa		Việt Nam	2009	
157	Bàn cân thủy tĩnh tiêu chuẩn -	V085	Trung Quốc	2009	

STT	Tên thiết bị	Số seri/ ID thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
	T.TECH				
158	Máy thí nghiệm siêu âm cọc khoan nhồi	6098/CHA	Mỹ	2009	
159	Kích nâng kiểu KN200-150		Việt Nam	2009	
160	Bơm tay thủy lực		Trung Quốc	2009	
161	Máy nén khí Pegasus 120L		Trung Quốc	2022	
162	Hệ thống máy nén 3 trục tự động Control	22008009 WF0370/T	Italia	2022	Đến 09/2026
163	Bộ đo độ lệch lỗ khoan XKP-2		Trung Quốc	2009	
164	Đầu thu GNSS RTK Aitogy	E290 70757	Việt Nam	2022	
165	Khúc xạ kế đo độ mặn Hanna	HI96822	Trung Quốc	2023	
166	Áp kế kiểu Lò xo	1703044823	Trung Quốc	2024	
167	Áp kế kiểu Lò xo	HC69010204 612	Trung Quốc	2024	
168	Đồng hồ đo biến dạng kiểu MC	9916931	Trung Quốc	2024	
169	Đồng hồ đo biến dạng kiểu MC	1711659	Trung Quốc	2024	
170	Đồng hồ đo biến dạng kiểu MC	5611801	Trung Quốc	2024	
171	Đồng hồ đo biến dạng kiểu MC	5611586	Trung Quốc	2024	
172	Kích thủy lực	4516	Việt Nam	2009	
173	Kích thủy lực	190107 HN-300150A	Việt Nam	2009	
174	Kích thủy lực	1125 DG-200	Liên Xô	2009	
175	Máy thăm dò địa chấn	RAS-24	Mỹ	2015	
176	Máy đo biến dạng nhỏ kiểu PIT	3745CA	Mỹ	2015	
177	Máy thử động biến dạng lớn PDA	F99 WNYI PDA-GPC	Mỹ	2015	
178	Máy siêu âm kiểm tra biến dạng lỗ khoan (KODEN)		Trung Quốc	2009	
179	Thiết bị cắt cánh hiện trường	0FG039272 160SPL	Anh	2015	
180	Máy khoan kèm theo bộ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	XY-1 XY-1A-4 XY-42	Trung Quốc	2009	Đến 09/2026
181	Máy khoan kèm theo bộ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	XY-1A-4 GJ-200-4	Trung Quốc	2025	Đến 11/2026
182	Máy toàn đạc điện tử LEICA TS06 PLUS 3"D500	1377928	Thụy Sĩ	2020	

STT	Tên thiết bị	Số seri/ ID thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
183	Máy toàn đạc điện tử Trimble M1	D058445	Nhật Bản	2020	
184	Máy toàn đạc điện tử Focus2 5"	111979	Nhật Bản	2020	

2. Danh sách cán bộ và nhân viên thí nghiệm

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/Văn bằng chứng chỉ	Vị trí/Chức vụ	Hợp đồng lao động
1	Đỗ Minh Toàn	05/06/1960	PGS.TS.Địa chất công trình/Chứng chỉ quản lý PTN	Trưởng phòng Thí nghiệm	01.2009/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 25/05/2009
2	Nguyễn Anh Đức	20/04/1991	ThS kỹ thuật ĐC/Chứng chỉ TNV/Chứng chỉ TN hiện trường, kiểm tra tính chất hoá học của nước cho xây dựng	Thí nghiệm viên	07.2015/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 01/12/2015
3	Phạm Thị Nhung	28/03/1991	ThS kỹ thuật ĐC/Chứng chỉ TNV	Thí nghiệm viên	06.2014/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 01/11/2014
4	Phạm Kim Dung	19/06/1988	ThS ĐCCT-ĐKT/Chứng chỉ TNV	Thí nghiệm viên	02.2010/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 20/09/2010
5	Nguyễn Thị Thiết	12/04/1983	KS ĐCCT-ĐKT/Chứng chỉ TNV	Thí nghiệm viên	16.2020/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 16/09/2020
6	Bùi Thị Bích Hợp	24/02/1983	ThS.ĐCCT/Chứng chỉ TNV	Thí nghiệm viên	19.2018/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 02/10/2018
7	Nguyễn Công Hải	11/08/1987	KS ĐCCT	Thí nghiệm viên	03.2016/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 01/05/2016
8	Phạm Sơn Hùng	11/08/1971	KS ĐCCT	Thí nghiệm viên	11.2010/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 05/10/2010

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/Văn bằng chứng chỉ	Vị trí/Chức vụ	Hợp đồng lao động
9	Nguyễn Văn Thu	03/11/1978	KS ĐCCT-ĐKT/Chứng chỉ khảo sát ĐCCT/Chứng chỉ thí nghiệm đo điện trở đất, điện trở chống sét công trình	Thí nghiệm viên	17.2015/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 31/08/2015
10	Nhữ Đình Ngọc	24/01/1972	KS kỹ thuật ĐC/Chứng chỉ khảo sát ĐCCT/Chứng chỉ TN hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	Thí nghiệm viên	01.2013/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 08/03/2013
11	Phạm Vũ Hoài Nam	24/04/1977	KS ĐCCT/Chứng chỉ TNV	Thí nghiệm viên	05.2013/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 10/01/2013
12	Lê Tuấn Anh	18/10/1974	KS ĐCCT/Chứng chỉ khảo sát ĐCCT	Thí nghiệm viên	13.2021/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 10/03/2021
13	Nguyễn Trọng Tiến	30/07/1956	KS Khoan/Chứng chỉ khảo sát ĐCCT	Thí nghiệm viên	10.2010/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 05/10/2010
14	Bùi Ngọc Minh	15/11/1977	KS ĐCCT-ĐKT/Chứng chỉ khảo sát ĐCCT-ĐKT	Thí nghiệm viên	05.2015/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 10/03/2015
15	Phạm Quang Thành	31/07/1980	KS ĐCCTV-ĐCCT/Chứng chỉ khảo sát ĐCCT	Thí nghiệm viên	13.2021/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 10/03/2021
16	Nguyễn Trọng Trịnh	20/04/1961	KS ĐCCT/Chứng chỉ khảo sát ĐCCT	Thí nghiệm viên	07.2013/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 13/06/2013
17	Trịnh Văn Như	02/04/1992	Chứng chỉ TN hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	Thí nghiệm viên	15.2018/HĐLĐ.TT NCĐKT ngày 15/04/2018

3. Tổ chức cam kết:

- Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định (nếu thuộc đối tượng phải hiệu chuẩn);
- Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm;
- Thí nghiệm viên được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính phù hợp của thiết bị và năng lực của thí nghiệm viên tham gia hoạt động thí nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
ĐỊA KỸ THUẬT



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Thế Vinh